

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18-01-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Định

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dư Thị Út

Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Bằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Lý Thể Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 217/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **Phan Thị Hạnh D** – sinh năm 1993. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số A, khóm B, phường C, thành phố B, tỉnh B. Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ M, số 1, khóm 2, phường 3, thành phố B, tỉnh B. “vắng mặt”.

2. *Bị đơn:* anh **Hồ Hoàng N** – sinh năm 1985. Địa chỉ: số A, khóm B, phường C, thành phố B, tỉnh B. “vắng mặt”.

NỘI D V U ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị Hạnh D trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Hồ Hoàng N tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2010, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường , thành phố B, tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 52/2013, quyển số 02/2012 ngày 17/5/2013. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và cách sinh hoạt trong gia đình, anh N thường xuyên ăn chơi, không lo làm ăn, nhiều lần lớn tiếng cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị đã chuyển ra

ngoài sống riêng khoảng 03 tháng nay. Nay chị xác định vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và không có biện pháp hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Hồ Hoàng N.

Về con chung: quá trình chung sống chị và anh N có 01 người con chung tên Hồ A, sinh ngày 22/5/2011, hiện nay cháu A đang sống chung cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Hồ Hoàng N: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh N không đến Tòa án tham gia tố tụng hoặc gửi văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

Về nội D vụ án: Về hôn nhân, chị D và anh N chung sống có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng đã mâu thuẫn, không sống chung trong một thời gian, không thể hàn gắn nên việc chị D yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Về con chung: Giao cháu Hồ A, sinh ngày 22/5/2011 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: chị D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: chị D xác định đều không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phan Thị Hạnh D yêu cầu ly hôn với anh Hồ Hoàng N, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hồ Hoàng N cư trú tại số A, khóm B, phường C, thành phố B, tỉnh B nên Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn chị D.

Bị đơn anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh N.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị D và anh N tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2010, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường C, thành phố B, tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 52/2013, quyền số 02/2012 ngày 17/5/2013 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hôn nhân được xây dựng trên mối quan hệ tình cảm vợ chồng và các thành viên trong gia đình. Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, cùng nhau chia sẻ, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên, theo chị D xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường hay cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị đã chuyển ra ngoài sống riêng khoảng 03 tháng nay. Đối với anh Hồ Hoàng N, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập anh N đến Tòa án tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh N không có mặt, anh N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đồng thời không gửi văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này chứng tỏ anh N không có nguyện vọng muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị D và anh N đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

[2.2] Về con chung: chị D xác định quá trình chung sống, chị và anh N có 01 người con chung tên Hồ A, sinh ngày 22/5/2011, hiện nay cháu A đang sống chung cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A.

Xét thấy, chị D có công việc và thu nhập ổn định; cháu Anh hiện đang sống chung với chị D và tại biên bản lấy lời khai ngày 09/12/2021, cháu có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ. Việc giao cháu A cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu A. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cháu Anh cho chị D tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: chị D xác định anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: chị D xác định anh chị không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí: chị Phan Thị Hạnh D yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Phan Thị Hạnh D.

1. Về hôn nhân: Cho chị Phan Thị Hạnh D ly hôn với anh Hồ Hoàng N.

2. Về con chung: Giao cháu Hồ A, sinh ngày 22/5/2011 cho chị Phan Thị Hạnh D tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, (hiện cháu A đang sống chung cùng chị D). Anh Hồ Hoàng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: chị Phan Thị Hạnh D không yêu cầu anh Hồ Hoàng N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

6. Về án phí: chị Phan Thị Hạnh D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị D đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006987 ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B nên được chuyển thu toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều

30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- Các đương sự;
- UBND phường N;
- Lưu HSVA.

Phùng Văn Định